

PHIẾU KIỂM TRA NHANH THIẾT KẾ THANG MÁY

Dành cho kiến trúc sư, nhà thiết kế và sinh viên kiến trúc

Công cụ ghi nhận thông tin đầu vào, thông số sơ bộ và các điểm cần phối hợp khi thiết kế thang máy.

THÔNG TIN	ĐIỀN THÔNG TIN
Tên dự án	
Địa điểm	
Đơn vị / nhóm thiết kế	
Người thực hiện	
Ngày	Phiên bản:

PHẠM VI SỬ DỤNG Phiếu này hỗ trợ giai đoạn ý tưởng và phối hợp sơ bộ. Các thông số kỹ thuật cuối cùng phải được đối chiếu với cấu hình cụ thể, hồ sơ kỹ thuật của nhà cung cấp và các yêu cầu áp dụng cho công trình.

01. THÔNG TIN CÔNG TRÌNH & NHU CẦU

Xác định đầu vào trước khi lựa chọn cấu hình thang máy.

NỘI DUNG	LỰA CHỌN / GHI CHÚ
Loại hình công trình	☐ Nhà ở ☐ Biệt thự ☐ Chung cư ☐ Văn phòng ☐ Khách sạn ☐ Thương mại ☐ Công cộng ☐ Cải tạo ☐ Khác: _____
Quy mô	Số tầng công trình: _____ tầng Số tầng phục vụ: _____ tầng Số điểm dừng: _____ điểm
Vị trí thang máy	☐ Trung tâm giao thông ☐ Gần sảnh ☐ Trong lõi công trình ☐ Khác: _____
Người sử dụng	☐ Cư dân ☐ Khách ☐ Nhân viên ☐ Người cao tuổi ☐ Người sử dụng xe lăn ☐ Người mang hành lý ☐ Khác: _____
Nhu cầu vận chuyển	☐ Người ☐ Người + hành lý ☐ Hàng hóa / vật dụng ☐ Nhu cầu đặc biệt: _____
Mức độ sử dụng dự kiến	☐ Thấp ☐ Trung bình ☐ Cao ☐ Chưa xác định

NGUYÊN TẮC Các lựa chọn trên giúp hình thành Design Brief của dự án. Không nên quyết định kích thước thang máy chỉ từ diện tích cabin mong muốn; cần xem xét đồng thời công năng và cấu hình.

02. THÔNG SỐ THANG MÁY DỰ KIẾN

Ghi thông số của phương án đang thiết kế; không tự suy ra từ một model khác.

THÔNG SỐ	GIÁ TRỊ DỰ KIẾN / TRẠNG THÁI
Dòng thang / giải pháp phù hợp	_____ ☐ Chưa chọn ☐ Đã chọn sơ bộ ☐ Đã xác nhận
Tải trọng	_____ kg ☐ Chưa xác định ☐ Sơ bộ ☐ Xác nhận
Tốc độ	_____ m/s ☐ Chưa xác định ☐ Sơ bộ ☐ Xác nhận
Hành trình	_____ m
Số tầng / điểm dừng	Số tầng phục vụ: _____ Điểm dừng: _____
Kiểu cửa	☐ Mở tâm ☐ Mở về một phía ☐ Khác: _____
Số cửa / hướng cửa	☐ Một cửa ☐ Hai cửa / thông tầng ☐ Chưa xác định
Phòng máy	☐ Có ☐ Không / không gian máy tích hợp ☐ Chưa xác định

03. CABIN & HOÀN THIỆN

HẠNG MỤC	GHI NHẬN
Kích thước cabin	Rộng (W): _____ mm Sâu (D): _____ mm Cao (H): _____ mm
Vách cabin	☐ Inox ☐ Kính ☐ Sơn / phủ ☐ Khác: _____
Sàn	☐ Đá ☐ Gạch ☐ Vật liệu khác: _____
Trần & chiếu sáng	☐ Tiêu chuẩn ☐ Thiết kế riêng ☐ Cần phối hợp
Thiết bị / tiện nghi	☐ Gương ☐ Tay vịn ☐ Bảng điều khiển ☐ Khác: _____

LƯU Ý KỸ THUẬT Các thông số cabin, cửa và kích thước giếng cần được kiểm tra theo đúng cấu hình. Tài liệu sản phẩm của Orona dùng các sơ đồ kích thước theo từng cấu hình cụ thể.

04. GIẾNG THANG & PHỐI HỢP KIẾN TRÚC

Kiểm tra những kích thước và điểm giao nhau có ảnh hưởng trực tiếp đến phương án kiến trúc.

HẠNG MỤC	THÔNG TIN / TRẠNG THÁI
Kích thước giếng	Rộng (W): _____ mm Sâu (D): _____ mm ☐ Chưa xác định ☐ Sơ bộ ☐ Đã phối hợp ☐ Đã xác nhận
Hố PIT	Sâu: _____ mm ☐ Chưa xác định ☐ Sơ bộ ☐ Đã xác nhận
Khoảng không phía trên	Headroom: _____ mm ☐ Chưa xác định ☐ Sơ bộ ☐ Đã xác nhận
Đối trọng	☐ Đã xác định vị trí ☐ Chưa xác định ☐ Cần nhà cung cấp xác nhận
Cửa tầng	Rộng: _____ mm Cao: _____ mm ☐ Đã xác định vị trí ☐ Cần phối hợp
Không gian trước cửa	☐ Đủ không gian tiếp cận ☐ Cần kiểm tra ☐ Chưa xác định
Bảo trì / tiếp cận	☐ Đã kiểm tra ☐ Cần kiểm tra ☐ Chưa xác định

05. PHỐI HỢP CÁC THÀNH PHẦN

BỘ MÔN	TRẠNG THÁI
Kiến trúc	☐ Chưa kiểm tra ☐ Đang phối hợp ☐ Đã thống nhất
Kết cấu	☐ Chưa kiểm tra ☐ Đang phối hợp ☐ Đã thống nhất
Điện & hệ thống kỹ thuật	☐ Chưa kiểm tra ☐ Đang phối hợp ☐ Đã thống nhất
Phòng cháy, chữa cháy	☐ Chưa kiểm tra ☐ Đang phối hợp ☐ Đã thống nhất
Nhà cung cấp thang máy	☐ Chưa gửi hồ sơ ☐ Đã nhận ☐ Đã đối chiếu ☐ Đã xác nhận

06. KIỂM TRA CUỐI TRƯỚC KHI CHUYỂN BƯỚC

Đánh dấu tình trạng thực tế của phương án.

HẠNG MỤC	CHƯA XÁC ĐỊNH	ĐANG XỬ LÝ	ĐÃ XÁC NHẬN
Công năng & nhu cầu	☐	☐	☐
Cấu hình thang máy	☐	☐	☐
Cabin & hoàn thiện	☐	☐	☐
Giếng thang	☐	☐	☐
Hố PIT	☐	☐	☐
Khoảng không phía trên	☐	☐	☐
Cửa tầng & sảnh	☐	☐	☐
Kết cấu	☐	☐	☐
Điện & hệ thống kỹ thuật	☐	☐	☐
Phòng cháy, chữa cháy	☐	☐	☐
An toàn & tiếp cận	☐	☐	☐
Bản vẽ kỹ thuật nhà cung cấp	☐	☐	☐

07. CÁC ĐIỂM CẦN XỬ LÝ

08. TRẠNG THÁI PHƯƠNG ÁN

☐ Ý tưởng ban đầu ☐ Phương án sơ bộ ☐ Đang phối hợp ☐ Chờ xác nhận kỹ thuật ☐ Sẵn sàng chuyển bước

NGUYÊN TẮC CUỐI Nếu còn hạng mục chưa xác nhận, không nên coi phương án là hồ sơ kỹ thuật cuối cùng. Đặc biệt, kích thước giếng, hố PIT, khoảng không phía trên và cửa tầng cần được đối chiếu theo đúng cấu hình.

09. 10 ĐIỂM NHỚ NHANH

Một trang có thể in riêng và sử dụng trong buổi trao đổi thiết kế.

- | |
|--|
| ☐ Tôi đã xác định đúng loại hình và nhu cầu sử dụng. |
| ☐ Tôi đã xác định số tầng, số điểm dừng và nhu cầu vận chuyển. |
| ☐ Tôi đã có thông số tải trọng và tốc độ dự kiến. |
| ☐ Tôi đã xác định vị trí và không gian dành cho giếng thang. |
| ☐ Tôi không lấy kích thước của model khác để thay thế cho cấu hình đang thiết kế. |
| ☐ Giếng thang, hố PIT và khoảng không phía trên đã được kiểm tra. |
| ☐ Cửa tầng và không gian trước cửa đã được xem xét. |
| ☐ Kiến trúc đã phối hợp với kết cấu và hệ thống kỹ thuật. |
| ☐ Cabin và hoàn thiện nội thất không xung đột với yêu cầu kỹ thuật. |
| ☐ Tôi đã đối chiếu bản vẽ kỹ thuật của nhà cung cấp trước khi chốt. |

LƯU Ý Tài liệu được thiết kế như công cụ hỗ trợ thiết kế và phối hợp sơ bộ. Không thay thế hồ sơ thiết kế kỹ thuật, tính toán an toàn, tiêu chuẩn/quy chuẩn hoặc xác nhận của đơn vị có thẩm quyền.